

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 13 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà V Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đoàn Hùng Tự.

Bà: Khuất Thị Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường Nhà văn hoá liên tổ 18-19-20 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm lưu động, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST ngày 29/7/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, tên gọi khác: Không, Sinh ngày 12/9/1991; nơi sinh: Huyện V1, tỉnh Hà Giang; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ 12 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Nơi đăng ký HKTT: Tổ 5, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1962 và bà Lê Thị H, sinh năm 1965; anh, chị em ruột: có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/5/2018, bị Công an thành phố H Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2020. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 5 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Anh Lương Quang H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ 6 phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở hiện nay: Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang, tổ 5 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3. Anh Hà Tiến M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1 thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang.

4. Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 2 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

5. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện V1, tỉnh Hà Giang.

6. Anh Mai Huy C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn L1, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

7. Chị Vương Thị X, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện V1, tỉnh Hà Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 12 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

8. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

9. Chị Phạm Thị Tô U, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 17 thị trấn V, huyện V1, tỉnh Hà Giang.

10. Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1983. Địa chỉ: SN 12, tổ 6 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

11. Anh Lương Công Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Đội 5 xã N1, huyện V1, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 9 xã Phương Độ, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

12. Chị Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1985. Địa chỉ: SN 239, đường L1, tổ 2 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI D1 VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D1 vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 00 phút, ngày 29/4/2020, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang bắt quả tang 08 đối tượng về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy tại chỗ ở của Nguyễn Duy T, sinh năm 1991, tại Tổ 12 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Duy T Cơ quan điều tra đã phát hiện và thu giữ một số tài liệu có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng. Vật chứng thu giữ tại quán "Cầm đồ 88" gồm: 01 quyển sổ bìa ngoài màu xanh lá cây, bên trong có 49 tờ giấy có các chữ số và chữ viết; 01 quyển sổ bìa ngoài màu xanh da trời có tiêu đề "SỔ HỌ", bên trong có 04 tờ giấy có các chữ số và chữ viết; 06 tờ giấy có tiêu đề "GIẤY VAY TIỀN" đều mang tên người cho vay là Nguyễn Duy T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 10A8006852, đăng ký lần đầu ngày 09/7/2018, tên hộ kinh doanh Nguyễn Thị Kim D1, do phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố H cấp; 01 Giấy chứng nhận đã được tập huấn nghiệp vụ PCCC và CNCH cấp ngày 26/4/2018; 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 44/GCN đối với cơ sở kinh doanh "Cầm đồ 88", do Công an thành phố H cấp ngày

18/7/2018; 01 bộ máy vi tính đã qua sử dụng gồm 01 màn hình nhãn hiệu LG, 01 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT.

Quá trình khởi tố, điều tra cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã xác định: Ngày 09/7/2018, Nguyễn Duy T đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ với tên cơ sở trên Giấy đăng ký kinh doanh là “**Cầm đồ 88**” địa chỉ tại tổ 1, phường T, thành phố H. Do bản thân không đủ điều kiện đăng ký kinh doanh theo quy định, nên T nhờ Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1985, nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường T, thành phố H đứng tên trên giấy đăng ký kinh doanh nH thực tế mọi hoạt động của cơ sở “**Cầm đồ 88**” là do Nguyễn Duy T trực tiếp quản lý. Năm 2019, T chuyển địa điểm kinh doanh đến tổ 12, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Trong quá trình kinh doanh dịch vụ cầm đồ, lợi dụng nhu cầu vay tiền của các cá nhân, từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020, Nguyễn Duy T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với hình thức sau: Người vay có thể vay thế chấp hoặc tín chấp phụ thuộc vào mối quan hệ giữa T và người vay, người vay tự viết thông tin cá nhân và nội D1 vào giấy vay tiền do T soạn thảo và in sẵn, trong đó không thể hiện lãi suất để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, mà lãi suất do các bên thỏa T2 bằng miệng với mức từ 3.000đ/1 triệu/ngày đến 10.000đ/1 triệu/ngày, kì hạn trả lãi từ 10 ngày, 15 ngày đến 01 tháng trả một lần. Người vay trả lãi trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền đến tài khoản số 8200205214527 (*Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*) và tài khoản số 0367688888888 (*Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt*) của T. Để quản lý nguồn vốn cho vay, nguồn thu, danh sách người vay tiền, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất cho vay, thời gian thu lãi suất, số tiền lãi đã thu trong hoạt động cho vay của mình, Nguyễn Duy T đã mở 01 quyển sổ theo dõi riêng. Khi có khách đến hỏi vay tiền, T trực tiếp thỏa T2 bằng miệng với người vay, thống nhất về số tiền cho vay, lãi suất vay và làm thủ tục cho người vay điền thông tin và ký vào giấy vay tiền theo mẫu T in sẵn và trực tiếp thu lãi suất. Ngoài ra không có ai giúp sức, góp vốn cùng T để thực hiện việc cho vay nặng lãi.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Duy T khai nhận: Trong thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020 đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với 12 người vay/tổng số 29 lượt giao dịch, số tiền vay từ 3.000.000,đ đến 30.000.000,đ với lãi suất thỏa thuận từ 3000,đ đến 10.000,đ/triệu/ngày thời hạn vay không xác định, thu lãi theo thời hạn 10 ngày/01 lần.

Căn cứ công văn số 581/HAG-TH ngày 15/5/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Hà Giang về việc xác định lãi suất cho vay và số tiền thu lợi bất chính đã xác định từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020 Nguyễn Duy T đã thu lợi bất chính của 12 người vay/tổng số 29 lượt giao dịch, số tiền cụ thể như sau:

1. Nguyễn Quang V: Ngày 25/8/2019, vay 10.000.000đ, với mức lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1triệu/ngày. Từ ngày 25/8/2019 đến 11/02/2020 đã trả tiền lãi là 8.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 931.507,đ, số tiền thu lợi bất chính là 7.568.493,đ. Đã trả tiền gốc.

2. Lương Quang H: Vay tiền của T 04 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 24/8/2019, vay 20.000.000đ với mức lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1triệu/ngày. Từ ngày 24/8/2019 đến 12/12/2019 đã trả tiền lãi là 11.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.205.497,đ, số tiền thu lợi bất chính là 9.794.521đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 29/8/2019, vay 7.000.000đ với mức lãi suất 10.000đ/1triệu/ngày. Từ ngày 29/8/2019 đến 12/12/2019 đã trả tiền lãi là 7.350.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 368,5% gấp 18,425 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 398.000,đ, số tiền thu lợi bất chính là 6.951.096đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 3: Ngày 24/12/2019, vay 15.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 24/12/2019 đến 21/4/2020 tiền lãi đã trả là 9.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 986.301,đ, số tiền thu lợi bất chính là 8.013.699đ. Chưa trả tiền gốc.

- Lần 4: Ngày 30/12/2019, vay 5.000.000đ với lãi suất 7.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 30/12/2019 đến 28/4/2020 tiền lãi đã trả là 4.200.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 255,5% gấp 12,775 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 328.767,đ, số tiền thu lợi bất chính là 3.871.233đ. Chưa trả tiền gốc.

Tổng số tiền T đã cho Lương Quang H vay là 47.000.000,đ. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.919.452,đ, số tiền thu lợi bất chính từ H là: 28.630.548đ. Hiện H đã trả T 27.000.000,đ tiền gốc, còn lại 20.000.000đ chưa trả.

3. Hoàng Thị Mỹ L. Vay tiền của T 04 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 31/8/2019, vay 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 31/8/2019 đến 28/3/2020 tiền lãi đã trả là 10.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 1.150.685,đ thu lợi bất chính số tiền là 9.349.315đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 07/9/2019, vay 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 07/9/2019 đến 24/4/2020 tiền lãi đã trả là 11.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 1.260.247,đ, thu lợi bất chính là 10.239.726đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 3: Ngày 12/9/2019, vay 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 12/9/2019 đến 19/4/2020 tiền lãi đã trả là 11.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.205.479,đ, số tiền thu lợi bất chính là 9.794.521đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 4: Ngày 04/10/2019, vay 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 04/10/2019 đến 01/4/2020 tiền lãi đã trả là 9.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 986.301,đ, số tiền thu lợi bất chính là 8.013.699đ. Đã trả tiền gốc.

Tổng số tiền T đã cho Hoàng Thị Mỹ L vay là 40.000.000,đ. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 4.602.740,đ, số tiền thu lợi bất chính là: 37.397.260,đ. Hiện L đã trả T hết tiền gốc.

4. Hà Tiến M. Vay tiền của T 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 24/8/2019, vay 20.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 24/8/2019 đến 21/3/2020 tiền lãi đã trả là 21.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.301.370,đ, số tiền thu lợi bất chính là 18.698.630,đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 14/9/2019, vay 6.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 14/9/2019 đến 07/02/2020 tiền lãi đã trả là 4.200.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 175% gấp 8,750 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 480.000,đ, số tiền thu lợi bất chính là 3.720.000đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 3: Ngày 09/11/2019, vay 4.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 09/11/2019 đến 07/02/2020 tiền lãi đã trả là 1.800.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 197.260,đ, số tiền thu lợi bất chính là 1.602.740,đ. Đã trả tiền gốc.

Tổng số tiền T đã cho Hà Tiến M vay là 30.000.000,đ. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.978.630,đ, số thu lợi bất chính từ M là: 24.021.370đ. Đã trả hết tiền gốc.

5. Nguyễn Hữu S. Vay tiền của T 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 31/8/2019, vay 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 31/8/2019 đến 27/4/2020 số tiền lãi đã trả là 12.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.315.068,đ, số tiền thu lợi bất chính là 10.684.932đ. Chưa trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 11/9/2019, vay 5.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 11/9/2019 đến 29/3/2020 số tiền lãi đã trả là 5.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 547.945,đ, thu lợi bất chính là 4.452.055đ. Chưa trả tiền gốc.

Tổng số tiền T đã cho Nguyễn Hữu S vay là 15.000.000,đ. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 1.863.014,đ, thu lợi bất chính từ S là: 15.136.986đ. Chưa trả tiền gốc.

6. Nguyễn Văn M. Vay tiền của T 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 22/8/2019, vay 10.000.000đ với lãi suất thỏa T2 3.000đ/1triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 22/8/2019 đến 11/10/2019 tiền lãi đã trả là 1.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 109,5% gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 273.937,đ, thu lợi bất chính là 1.226.027đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 06/10/2019, vay 20.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 06/10/2019 đến 23/02/2020 tiền lãi đã trả là 8.400.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 109,5% gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.534.247,đ, số tiền thu lợi bất chính là 6.865.753đ. Chưa trả tiền gốc.

- Lần 3: Ngày 16/10/2019, vay 20.000.000đ với mức lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 16/10/2019 đến 05/11/2019 tiền lãi đã trả là 1.200.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 109,5% gấp 5,475 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 219.178,đ, thu lợi bất chính là 980.822,đ. Đã trả tiền gốc.

Tổng số tiền gốc T đã cho Nguyễn Văn M vay là 50.000.000,đ,tổng số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.027.397,đ, thu lợi bất chính từ M là: 9.072.603đ. Số tiền gốc đã trả là 30.000.000,đ, còn 20.000.000đ tiền gốc chưa trả.

7. Mai Huy C: Ngày 04/10/2019, vay 15.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 04/10/2019 đến 31/3/2020 tiền lãi đã trả là 13.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 183,5% gấp 9,176 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.471.233,đ, thu lợi bất chính số tiền là 12.028.767đ. Chưa trả tiền gốc.

8. Vương Thị X. Vay tiền của T 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 16/9/2019, vay 10.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 16/9/2019 đến 06/10/2019 tiền lãi đã trả là 1.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 109.589,đ, thu lợi bất chính là 890.411đ. Ngày 06/10/2019, X trả trước 5.000.000đ tiền gốc và tiếp tục vay 5.000.000đ còn lại với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 06/10/2019 đến 23/4/2020 tiền lãi đã trả là 5.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 547.945,đ, thu lợi bất chính thu lợi bất chính là 4.452.055,đ. Chưa trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 25/02/2020, vay 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 25/02/2020 đến 26/3/2020 tiền lãi đã trả là 1.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền T được hưởng theo quy định là 164.384,đ, thu lợi bất chính là 1.335.616đ. Chưa trả tiền gốc.

Tổng số tiền gốc T cho Vương Thị X vay là 20.000.000,đ. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 821.918,đ, thu lợi bất chính từ X là: 6.678.082,đ. Hiện đã trả cho T 5.000.000,đ tiền gốc, còn 15.000.000đ tiền gốc chưa trả.

9. Hoàng Thị D: Ngày 21/10/2019, vay 20.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 21/10/2019 đến 28/4/2020 tiền lãi đã trả là 19.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.082.192,đ, thu lợi bất chính số tiền là 16.917.808đ. Chưa trả tiền gốc.

10. Phạm Thị Tố Uyên: Ngày 30/8/2019, vay số tiền 3.000.000đ với lãi suất 10.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 30/8/2019 đến 31/12/2020 tiền lãi đã trả là 3.630.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 365% gấp 18,250 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 198.904,đ, thu lợi bất chính là 3.431.096đ. Đã trả tiền gốc.

11. Nguyễn Đức T2. Vay tiền của T 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10/9/2019, vay 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 10/9/2019 đến 10/01/2020 số tiền lãi đã trả là 14.400.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 143,6% gấp 7,18 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.005.479,đ, thu lợi bất chính là 12.394.521đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 03/3/2020, vay 10.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 03/3/2020 đến 22/4/2020 tiền lãi đã trả là 2.500.000đ, lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 273.973, thu lợi bất chính số tiền là 2.226.027đ. Chưa trả tiền gốc.

Tổng số tiền gốc T cho Nguyễn Đức T2 vay là 40.000.000,đ. Số tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.279.452,đ, thu lợi bất chính từ T2 là: 14.620.548đ. T2 đã trả cho T 30.000.000,đ tiền gốc, còn lại 10.000.000đ tiền gốc chưa trả.

12. Lương Công Đ. Vay tiền của T 05 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 22/8/2019, vay 10.000.000đ với mức lãi suất 7.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 22/8/2019 đến 07/12/2019 tiền lãi đã trả là 7.490.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 255,5% gấp 12,775 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 586.301,đ, thu lợi bất chính là 6.903.699đ. Ngày 30/11/2019, Đ trả trước 6.000.000đ tiền gốc và vay tiếp 4.000.000đ còn lại vẫn với lãi suất 7.000đ/1 triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 07/12/2019 đến 17/12/2019 tiền lãi đã trả là 280.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 255,5% gấp 12,775 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi T được hưởng lợi theo quy định là 21.918,đ, thu lợi bất chính số tiền là 258.082đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 25/8/2019, Đ vay 5.000.000đ với mức lãi suất 10.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 25/8/2019 đến 13/11/2019 số tiền lãi đã trả là 4.000.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 365% gấp 18,25 lần lãi suất

theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 219.178,đ, thu lợi bất chính là 3.780.822đ. Đã trả tiền gốc.

- Lần 3: Ngày 03/12/2019, vay 10.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 03/12/2019 đến 01/5/2020 tiền lãi đã trả là 7.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 821.918,đ, thu lợi bất chính số tiền là 6.678.082đ. Chưa trả tiền gốc.

- Lần 4: Ngày 23/12/2019, Đ vay 10.000.000đ với lãi suất thỏa T2 5.000đ/1triệu/ngày. Trả lãi từ ngày 23/12/2019 đến 01/5/2020 số tiền lãi đã trả là 6.500.000đ, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng là 712.329,đ, thu lợi bất chính là 5.787.671,đ. Chưa trả tiền gốc.

- Lần 5: Ngày 21/02/2020, vay 5.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Đã trả lãi từ ngày 21/02/2020 đến 01/5/2020 tiền lãi đã trả là 1.750.000đ, lãi suất năm thực tế là 182,5% gấp 9,125 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 191.781,đ, thu lợi bất chính là 1.558.219đ. Chưa trả tiền gốc.

Tổng số tiền gốc T cho Lương Công Đ vay là 40.000.000,đ, thu lợi bất chính từ Đ là: 24.966.575đ. Hiện Đ đã trả cho T 15.000.000,đ tiền gốc, còn 25.000.000đ tiền gốc chưa trả.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020, Nguyễn Duy T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 12 người/tổng số 29 lượt giao dịch. Tổng số tiền gốc Nguyễn Duy T đã sử dụng để cho vay là **330.000.000đ**, với lãi suất từ 3.000,đ đến 10.000,đ/1triệu/1ngày, tương đương mức **lãi** suất năm là 109% đến 365%/ năm, gấp từ **5,475** đến **18,250** lần so với lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (*20%/năm*). Tổng số tiền lãi thu từ những người vay là: **225.200.000đ**. Trong đó, số tiền lãi được hưởng theo quy định là **24.729.863,đ**, tiền thu lợi bất chính là: **200.470.137,đ**. Bị cáo đã thu được số tiền gốc cho vay là **190.000.000,đ**ồng. Số tiền gốc những người vay chưa trả cho bị cáo là **140.000.000,đ**.

Còn lại các lượt vay được thể hiện trong sổ ghi chép của Nguyễn Duy T, do thiếu thông tin về danh tính, địa chỉ nên Cơ quan điều tra đã đăng Thông báo truy tìm người vay trong vụ án cho vay lãi nặng gửi Đài truyền hình tỉnh Hà Giang phát bản tin, thông báo công khai để nhân dân và những người vay biết, tố giác tội phạm, phối hợp điều tra làm rõ vụ án. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra không có người nào liên hệ với Cơ quan điều tra để tố giác hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với một số cá nhân có tên tuổi, địa chỉ cụ thể nhưng quá trình điều tra xác minh không có mặt ở địa phương, do đó Cơ quan điều tra không lấy được lời khai để làm rõ nội D1 cho vay. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối với các trường hợp trên khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong quyển sổ đã thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Duy T.

Tại Kết luận giám định số 120/KL-PC09 ngày 05/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận đối với chữ viết và chữ số trong quyển sổ màu xanh lá cây so với mẫu chữ số, chữ viết của Nguyễn Duy T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra.

Với hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 24/CT-VKSTP ngày 01/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Duy T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Đối với hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy bị bắt quả tang vào hồi 02h ngày 29/4/2020 tại chỗ ở của Nguyễn Duy T đã bị Công an thành phố H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được. Bị cáo có thái độ thành khẩn, xin được HĐXX xem xét, giảm nhẹ tội để bị cáo sớm được trở về gia đình, làm người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Duy T. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị **HĐXX:**

1. Về tội danh: bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 7 đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2020.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định, số tiền gốc cho vay và tiền thu lời bất chính đều được tuyên tịch thu SQNN và trả lại cho người vay. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị:

3.1 - Đối với 01 (một) bộ máy vi tính đã qua sử dụng gồm: 01 màn hình nhãn hiệu LG; 01 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen; 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Duy T, quá trình điều tra đã xác định, bộ máy tính trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Duy T. nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3.2. Đối với khoản tiền cho vay (*tiền gốc*) được xác định là phương tiện phạm tội, nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đề nghị tuyên tịch thu toàn bộ số tiền gốc bị can Nguyễn Duy T cho vay là **330.000.000,đ (Ba trăm, ba mươi triệu đồng)**. Trong đó: Tuyên tịch thu từ bị cáo số tiền **190.000.000,đ (Một trăm chín**

mười triệu đồng) mà những người vay đã trả tiền gốc cho Nguyễn Duy T; Tuyên tịch thu toàn bộ số tiền gốc 08 người vay chưa trả cho bị cáo là **140.000.000,đ** (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Buộc những người vay phải nộp tiền sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau:

- Lương Quang H: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Nguyễn Hữu S: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
- Nguyễn Văn M: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Mai Huy C: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
- Vương Thị X: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
- Hoàng Thị D: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Nguyễn Đức T2: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
- Lương Công Đ: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

3.3. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là **24.729.863,đ**, được hưởng theo quy định, tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền trên.

3.4. Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T đã thu được do thực hiện hành vi cho vay lãi nặng được xác định là khoản tiền mà Nguyễn Duy T thu lợi bất chính của người vay. Về nguyên tắc, tiền bị cáo thu lợi từ hành vi phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Song, đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu lợi bất chính. Tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo T đã thu là **200.470.137,đ** (Hai trăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng). Tuy nhiên, trong vụ án này có 06 người vay tiền yêu cầu Nguyễn Duy T trả lại số tiền lãi suất vượt mức quy định. Do đó, đề nghị buộc Nguyễn Duy T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho 06 người vay này là **81.802.603,đ** (Tám mươi một triệu, tám trăm linh hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng) như sau cụ thể như sau:

- Nguyễn Quang V: 7.568.493,đ (Bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng)
- Hà Tiên M: 24.021.370,đ (Hai mươi tư triệu, không trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng).
- Phạm Thị Tố U: 3.431.096,đ (Ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng)
- Lương Công Đ: 24.966.575,đ (Hai mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi năm đồng)
- Vương Thị X: 6.678.082,đ (Sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng)

- Nguyễn Hữu S: 15.136.986,đ (Mười năm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng)

Đối với 06 trường hợp người vay tiền không yêu cầu bị cáo trả lại tiền thu lời bất chính. Đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền bị cáo T thu lời bất chính của những người này với tổng số tiền là **118.667.534,đ**

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội, không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa bị cáo cung cấp cho HĐXX giấy tờ chứng minh bị cáo có ông nội là Nguyễn Văn T1 là người đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Đề nghị HĐXX xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Do hám lợi trước mắt bị cáo đã phạm tội, bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội được trở về với gia đình và trở thành người công dân tốt trong xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Hoàng Thị D vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Tòa án đã niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng, xét thấy sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó HĐXX căn cứ vào Điều 293 BLTTHS, tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra (*bút lục 199 đến bút lục 261*), phù hợp với các tài liệu chứng cứ là quyền sở hữu màu xanh lá cây thu giữ được trong quá trình khám xét (*bút lục 495 đến bút lục 543*), lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*bút lục 282 đến bút lục 395*), Các giấy vay tiền, vật chứng vụ án, Bảng xác định lãi suất cho vay và số tiền thu lợi bất chính (*bút lục 172 đến bút lục 198*); Kết luận giám định (*BL số 93*) và các

tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 8/2019 đến tháng 4/2020, bị cáo Nguyễn Duy T đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với 12 cá nhân/tổng số 29 lượt giao dịch, tổng số tiền cho vay là 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*), mức lãi suất là 109% đến 365%/ năm gấp từ 5,475 đến 18,250 lần so với lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm), tổng số tiền lãi đã thu là 225.200.000, đồng (*Hai trăm hai mươi năm triệu, hai trăm nghìn đồng*), Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 24.729.863,đ, (*Hai mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng*), số tiền thu lợi bất chính: 200.470.137,đ (*Hai trăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*). Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. **Điều 201 BLHS luật quy định:** “1.....2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã gây ra thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an ninh tại địa phương làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, mặc dù là người có hiểu biết, đầy đủ năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, háms lợi trước mắt bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi vi phạm, số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 200.470.137,đ (*Hai trăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*), do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và để phòng ngừa chung.

[5] Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Vì vậy, cần xử lý theo pháp luật áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy vậy, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, đánh giá về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để lên một mức án phù hợp cho bị cáo nhận thấy sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 201 BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tuy nhiên bị cáo Nguyễn Duy T không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định bị cáo còn bị truy thu một số tiền liên quan

đến hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS, nhân thân: Ngày 15/5/2018 bị cáo đã bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo còn cung cấp giấy tờ chứng minh bị cáo có ông nội là người đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[9] Đối với các lượt vay được thể hiện trong sổ ghi chép của Nguyễn Duy T, do thiếu thông tin về danh tính, địa chỉ nên cơ quan điều tra đã đăng thông báo truy tìm người vay trong vụ án gửi Đài truyền hình tỉnh Hà Giang phát thông tin tìm kiếm, đồng thời gửi Công an các xã, phường của thành phố H, thông báo công khai để nhân và người vay được biết, tố giác tội phạm, phối hợp điều tra làm rõ vụ án. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra không có người nào liên hệ với Cơ quan điều tra để tố giác hành vi phạm tội. Ngoài ra, còn một số cá nhân có tên tuổi, địa chỉ cụ thể nhưng trong quá trình điều tra, xác minh không có mặt ở địa phương, do đó cơ quan điều tra không lấy được lời khai, không làm rõ được nội D1 vụ việc nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong một vụ án khác, do vậy HĐXX không xem xét.

[10] Đối với Nguyễn Thị Kim D1 là người đứng tên đăng ký kinh doanh của cơ sở "Cầm đồ 88" nhưng không trực tiếp tham gia, không biết hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo, vì vậy cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Xét thấy hành vi đứng tên đăng ký kinh doanh cơ sở "Cầm đồ 88" nhưng không quản lý hoạt động kinh doanh của Nguyễn Thị Kim D1 có dấu hiệu vi phạm hành chính, Cơ quan CSĐT ra Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ-CQĐT ngày 12/6/2020 chuyển tài liệu và vật chứng có liên quan đến lực lượng cảnh sát quản lý hành chính, Công an thành phố H để xác minh, xử lý theo thẩm quyền, do vậy HĐXX không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) bộ máy vi tính đã qua sử dụng gồm: 01 màn hình nhãn hiệu LG; 01 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen; 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Duy T, quá trình điều tra đã xác định, bộ máy tính trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Duy T. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Đối với khoản tiền gốc sử dụng để cho vay là **330.000.000,đ** được xác định là phương tiện phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trong đó: Tịch thu từ bị cáo Nguyễn Duy T số tiền **190.000.000,đ** mà những người vay đã trả tiền gốc cho T; Tịch thu toàn bộ số tiền gốc 08 người vay chưa trả cho bị cáo T là **140.000.000,đ**; Đối

với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là **24.729.863,đ**, bị cáo được hưởng theo quy định, tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền trên; Đối với khoản tiền thu lợi bất chính do xuất phát từ giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu lời bất chính. Tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo T đã thu là **200.470.137,đ**. Tuy nhiên, trong vụ án này có 06 người yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi suất vượt mức quy định. Do đó cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho 06 người vay này là **81.802.603,đ**. Đối với 06 trường hợp người vay không yêu cầu bị cáo trả lại tiền thu lời bất chính. Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền bị cáo T thu lời bất chính của những người này với tổng số tiền là **118.667.534,đ**.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy T Phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 50; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (Ngày 29/4/2020).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS. Xử:

3.1. Trả lại cho bị cáo 01 (một) bộ máy vi tính đã qua sử dụng gồm: 01 màn hình nhãn hiệu LG; 01 bàn phím nhãn hiệu Fuhlen; 01 cây máy tính nhãn hiệu ORIENT, nH cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2020 của Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp số tiền là 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3.3. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tổng số tiền gốc chưa trả đủ cho bị cáo là **140.000.000,đ** (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), để sung vào ngân sách nhà nước gồm những ông, bà sau:

- Lương Quang H: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Nguyễn Hữu S: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
- Nguyễn Văn M: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Mai Huy C: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
- Vương Thị X: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
- Hoàng Thị D: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- Nguyễn Đức T2: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
- Lương Công Đ: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

3.4. Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp số tiền thu lời bất chính là 118.667.534đ (*Một trăm mười tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

3.5. Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền đã thu lời bất chính là **81.802.603,đ** (*Tám mươi một triệu tám trăm linh hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*), gồm những ông, bà sau:

- Nguyễn Quang V: 7.568.493,đ (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng*).
- Hà Tiên M 24.021.370,đ (*Hai mươi tư triệu, không trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*).
- Phạm Thị Tố U 3.431.096,đ (*Ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng*).
- Lương Công Đ 24.966.575,đ (*Hai mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi năm đồng*).
- Vương Thị X 6.678.082,đ (*Sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*).
- Nguyễn Hữu S 15.136.986,đ (*Mười năm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 10.023.500đ (Mười triệu không trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng), án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Duy T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim D1 có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TPH;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an TPH (02 bản);
- Cơ quan THAHS - CA TPH;
- Chi cục THADS TPH;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mỹ Lệ

